

Số/No.: 53 /2025/CV-SAM

TP HCM, ngày 29 tháng 08 năm 2025
Ho Chi Minh City, 29/08/2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

To:

- *Vietnam Stock Exchange*
- *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- *State Securities Commission*

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần SAM Holdings

Name of organization: SAM Holdings Corporation

- Mã chứng khoán: SAM

Stock symbol: SAM

- Địa chỉ: 127 Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

Headquarter address: 127 Ung Van Khiem, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City

- Điện thoại liên hệ: 028 3512 2919

Fax: 028 3512 8632

Telephone: 028 3512 2919

Fax: 028 3512 8632

- E-mail: info@samholdings.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2025 và công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ

Content of disclosure:

- *Interim financial statements for the six month period ended 30 June 2025 and explanation letter regarding the profit discrepancy compared to the same period last year*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29 / 08 /2025 tại đường dẫn <http://samholdings.com.vn/documents/thong-tin-dinh-ky/>

This information was published on the company's website on 29/08/2025 at the following link <http://samholdings.com.vn/documents/thong-tin-dinh-ky/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/Attached files:

BCTC/ Financial Statements

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LEGAL REPRESENTATIVES
GENERAL DIRECTOR**



Trần Quang Khang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SAM HOLDINGS

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 37
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SAM Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 127 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch	
Ông Lê Nguyễn Minh Quang	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên	(Giữ chức danh Phó Chủ tịch đến ngày 22/04/2025)
Ông Hoàng Lê Sơn	Thành viên	
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên	
Ông Phạm Hồng Điệp	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quang Khang	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Hoàng Lê Sơn	Chủ tịch
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là Ông Trần Quang Khang - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quang Khang

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SAM Holdings

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần SAM Holdings được lập ngày 21 tháng 08 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SAM Holdings tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		150.221.265.745	363.783.592.997
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	27.946.541.081	42.631.503.613
111	1. Tiền		27.946.541.081	12.631.503.613
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	30.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	7.243.518.147	7.243.518.147
121	1. Chứng khoán kinh doanh		7.243.518.147	7.243.518.147
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		110.616.730.833	312.489.519.320
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	79.689.983.760	79.175.006.396
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	18.841.300.000	18.841.300.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	12.226.447.073	214.473.212.924
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(141.000.000)	-
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.414.475.684	1.419.051.917
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.400.882.538	57.134.585
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.470.886.688	1.361.917.332
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	1.542.706.458	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.693.337.414.105	4.684.989.355.139
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		306.677.519	286.302.692
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	306.677.519	286.302.692
220	II. Tài sản cố định		1.884.740.813	2.096.403.134
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	1.884.740.813	2.096.403.134
222	- Nguyên giá		16.867.945.035	16.916.945.035
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.983.204.222)	(14.820.541.901)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		697.830.000	697.830.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(697.830.000)	(697.830.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	04	4.688.607.049.671	4.679.436.433.341
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.794.735.530.496	2.794.735.530.496
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.422.077.167.304	1.422.077.167.304
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		739.196.763.600	739.196.763.600
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(267.402.411.729)	(276.573.028.059)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.538.946.102	3.170.215.972
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.538.946.102	3.170.215.972
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.843.558.679.850	5.048.772.948.136

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		856.859.599.247	1.095.729.049.327
310	I. Nợ ngắn hạn		586.750.599.247	910.770.049.327
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		32.283.524	23.383.144
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	107.847.073	3.680.624.700
314	3. Phải trả người lao động		685.570.326	1.369.830.489
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		97.500.000	206.944.444
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	2.194.500.000	2.094.750.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	400.093.898.894	407.609.753.474
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	177.016.666.665	490.089.333.332
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.522.332.765	5.695.429.744
330	II. Nợ dài hạn		270.109.000.000	184.959.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	399.000.000	399.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	269.710.000.000	184.560.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.986.699.080.603	3.953.043.898.809
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	3.986.699.080.603	3.953.043.898.809
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.799.609.710.000	3.799.609.710.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.799.609.710.000	3.799.609.710.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(76.363.636)	(76.363.636)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		142.970.000	142.970.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		187.022.764.239	153.367.582.445
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		152.524.179.424	90.666.158.995
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		34.498.584.815	62.701.423.450
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.843.558.679.850	5.048.772.948.136

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Tâm

Võ Nữ Từ Anh

Trần Quang Khang



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	2.533.650.000	2.553.700.001
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.533.650.000	2.553.700.001
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.533.650.000	2.553.700.001
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	58.747.042.195	65.242.238.114
22	7. Chi phí tài chính	20	14.979.706.192	(6.465.810.868)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.885.322.522	28.780.325.183
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	11.802.112.761	10.842.601.030
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.498.873.242	63.419.147.953
31	11. Thu nhập khác		632.301	1.364.194
32	12. Chi phí khác		920.728	16.347.781
40	13. Lợi nhuận khác		(288.427)	(14.983.587)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.498.584.815	63.404.164.366
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	6.638.852.211
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>34.498.584.815</u>	<u>56.765.312.155</u>

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Tâm

Võ Nữ Từ Anh



Trần Quang Khang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.498.584.815	63.404.164.366
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		211.662.321	216.020.302
03	- Các khoản dự phòng		(9.029.616.330)	(35.246.136.051)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(42.413.899.073)	(63.033.522.016)
06	- Chi phí lãi vay		22.885.322.522	28.780.325.183
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		6.152.054.255	(5.879.148.216)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		202.630.198.504	(65.053.148.815)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(18.996.515.242)	(48.897.759.914)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(712.478.083)	1.000.929.178
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.981.869.014)	(9.058.439.485)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.223.331.158)	(1.969.266.589)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.500.000)	(15.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		171.851.559.262	(129.872.333.841)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		600.000	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(45.750.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	20.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	165.300.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		41.385.544.873	32.305.220.372
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.386.144.873	171.855.220.372

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		116.500.000.000	52.401.130.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(344.422.666.667)	(116.166.666.667)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(227.922.666.667)	(63.765.536.667)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(14.684.962.532)	(21.782.650.136)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		42.631.503.613	26.072.027.769
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	27.946.541.081	4.289.377.633

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Tâm



Võ Nữ Từ Anh



Trần Quang Khang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SAM Holdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600253537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đồng Nai cấp lần đầu ngày 30 tháng 03 năm 1998, thay đổi lần thứ 31 ngày 25 tháng 11 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 127 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 3.799.609.710.000 VND; tương đương 379.960.971 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 30 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 30 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư tài chính.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán các loại cáp, vật liệu viễn thông, vật liệu dân dụng, bobin gỗ (trục gỗ dùng quấn dây cáp);
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư phát triển kinh doanh nhà, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh sân golf;
- Dịch vụ lưu trú, dịch vụ du lịch;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này giảm 6,5 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ giảm 9,96% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do kỳ này không phát sinh lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư. Chi phí tài chính kỳ này tăng 21,45 tỷ VND, tương ứng tỷ lệ tăng hơn 3,32 lần so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm khoản hoàn nhập chi phí dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Chi phí tài chính kỳ này tăng mạnh trong khi doanh thu tài chính giảm là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng kỳ này giảm 22,27 tỷ VND, tương ứng với tỷ lệ giảm 39,23% so với cùng kỳ năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Thương hiệu	03 năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

- Hợp đồng BCC với các cá nhân, pháp nhân: trong đó Công ty là bên nhận tiền đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.
- Hợp đồng BCC với các cá nhân, pháp nhân: trong đó Công ty là bên đưa tiền đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.946.541.081	12.631.503.613
- Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	27.946.541.081	42.631.503.613

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

		30/06/2025			01/01/2025		
	Mã CK	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu							
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	ALP	7.243.518.147		-	7.243.518.147		-
		7.243.518.147		-	7.243.518.147		-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		2.794.735.530.496		(130.036.582.607)	2.794.735.530.496		(131.174.901.968)
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm		897.300.000.000		(89.708.986.636)	897.300.000.000		(89.207.647.992)
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom		499.600.000.000		-	499.600.000.000		-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	SLD	629.835.530.496		(39.135.701.574)	629.835.530.496		(39.457.554.736)
- Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng		118.000.000.000		-	118.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam		650.000.000.000		(1.191.894.397)	650.000.000.000		(2.509.699.240)
Đầu tư vào Công ty liên kết		1.422.077.167.304		(137.365.829.122)	1.422.077.167.304		(145.398.126.091)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ ^{(1), (2)}	DSP	534.052.970.000	489.575.215.000	(121.045.393.086)	534.052.970.000	626.490.317.500	(116.046.416.993)
- Công ty Cổ phần Capella Việt Nam		3.148.000.000		(1.839.244.867)	3.148.000.000		(1.831.343.730)
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia		163.004.700.000		(14.481.191.169)	163.004.700.000		(13.396.546.224)
- Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy		721.871.497.304		-	721.871.497.304		(14.123.819.144)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

	Mã CK	30/06/2025			01/01/2025		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác		739.196.763.600		-	739.196.763.600		-
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP ⁽²⁾	DVN	273.652.263.600	267.549.850.000	-	273.652.263.600	285.766.010.000	-
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP ⁽²⁾	PRT	398.400.000.000	247.200.000.000	-	398.400.000.000	228.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP		52.264.500.000		-	52.264.500.000		-
- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành		14.380.000.000		-	14.380.000.000		-
- Công ty Cổ phần Vietferm		500.000.000		-	500.000.000		-
		4.956.009.461.400	(267.402.411.729)		4.956.009.461.400	(276.573.028.059)	

⁽¹⁾ Tại ngày 30/06/2025, 30.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại thuyết minh số 15.

⁽²⁾ Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 30/06/2025. Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyên Lâm	Tỉnh Lâm Đồng	64,09%	64,09%	Kinh doanh khu du lịch, sân golf
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Tỉnh Đồng Nai	99,92%	99,92%	Sản xuất dây cáp
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Thành phố Hồ Chí Minh	85,71%	85,71%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	73,75%	73,75%	Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Thành phố Đà Nẵng	92,86%	92,86%	Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
Công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Thành phố Hồ Chí Minh	34,96%	34,96%	Kinh doanh dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	31,48%	31,48%	Tổ chức sự kiện và quảng cáo
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Tỉnh Đồng Nai	45,28%	45,28%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	Tỉnh Quảng Trị	36,00%	36,00%	Đầu tư và kinh doanh cảng biển
Đơn vị khác				
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	Hà Nội	4,80%	4,80%	Kinh doanh dược phẩm
- Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	Thành phố Hồ Chí Minh	8,00%	8,00%	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp
- Công ty Cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP	Tỉnh Bắc Ninh	1,96%	1,96%	Kinh doanh ngành nước
- Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp Trường Thành	Tỉnh Lâm Đồng	19,91%	19,91%	Đầu tư nông nghiệp
- Công ty Cổ phần Vietferm	Hà Nội	5,00%	5,00%	Sản xuất thực phẩm

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Quỹ đầu tư cơ hội PVI (*)	78.980.426.800	-	78.980.426.800	-
- Các đối tượng khác	709.556.960	(101.000.000)	194.579.596	-
	79.689.983.760	(101.000.000)	79.175.006.396	-

(*) Khoản trả trước theo Hợp đồng mua bán cổ phiếu có điều kiện số 01/2024/POF-SAM ngày 29/02/2024 và các phụ lục có điều kiện giữa Công ty Cổ phần SAM Holdings ("Bên A") và Quỹ đầu tư cơ hội PVI ("Bên B"). Bên B là một quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ PVI, có ý định mua để đầu tư cổ phiếu của một số doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, Bên A đề nghị và Bên B đồng ý bán cho Bên A và/hoặc bên thứ ba do Bên A chỉ định một số lượng cổ phiếu trong trường hợp Bên B mua thành công với các điều khoản và điều kiện theo thỏa thuận. Thời hạn thực hiện hợp đồng đến ngày 30/09/2025.

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên khác						
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	18.841.300.000	-	-	-	18.841.300.000	-
	18.841.300.000	-	-	-	18.841.300.000	-

Thông tin chi tiết về các khoản cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam vay:

Hợp đồng	Loại tiền	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	30/06/2025
					VND
Hợp đồng số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021 và các phụ lục	VND	11%/năm	Đến hết ngày 13/11/2025	Tín chấp	18.841.300.000

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu vốn góp từ các hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	1.840.000.000	-	205.342.000.313	-
Lãi phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	217.480.262	-	-	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.495.606.811	-	7.467.852.611	-
Tạm ứng	51.000.000	-	41.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	1.582.360.000	-	1.582.360.000	-
Phải thu khác	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	-
	12.226.447.073	(40.000.000)	214.473.212.924	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Trần Quang Thái	10.000.000	-	3.701.600.000	-
Huỳnh Càng Siêu	77.337.777	-	78.232.351.929	-
Bùi Thị Kim Tuyền	-	-	68.146.260.000	-
Nguyễn Hữu Minh Lộc	409.013.542	-	36.820.474.315	-
Huỳnh Đức Thanh	1.592.128.943	-	18.462.314.069	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	6.974.393.166	-	5.946.638.966	-
Các đối tượng khác	3.163.573.645	(40.000.000)	3.163.573.645	-
	12.226.447.073	(40.000.000)	214.473.212.924	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	306.677.519	-	286.302.692	-
	306.677.519	-	286.302.692	-

(*) Các khoản phải thu vốn góp, lãi từ các Hợp đồng hợp tác đầu tư để thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lời với tổng giá trị là 2.057.480.262 VND. Lợi nhuận phân chia từ hợp tác đầu tư sẽ do hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng tùy thuộc vào kết quả hợp tác đầu tư.

8 . NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Trả trước cho người bán	101.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	81.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thẩm định giá SGL	20.000.000	-	-	-
Phải thu khác	40.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Sản phẩm Thông minh VH	40.000.000	-	-	-
	141.000.000	-	-	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	11.466.978.282	134.290.000	3.702.943.364	1.612.733.389	16.916.945.035
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(49.000.000)	(49.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.466.978.282	134.290.000	3.702.943.364	1.563.733.389	16.867.945.035
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	11.466.978.282	134.290.000	1.633.055.379	1.586.218.240	14.820.541.901
- Khấu hao trong kỳ	-	-	185.147.172	26.515.149	211.662.321
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(49.000.000)	(49.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.466.978.282	134.290.000	1.818.202.551	1.563.733.389	14.983.204.222
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	-	-	2.069.887.985	26.515.149	2.096.403.134
Tại ngày cuối kỳ	-	-	1.884.740.813	-	1.884.740.813

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.165.001.671 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là Chi phí thương hiệu đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với Nguyên giá và Giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2025 là 697.830.000 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.084.091	-
Chi phí bảo hiểm	1.363.636.362	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33.162.085	57.134.585
	1.400.882.538	57.134.585
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	1.303.930.473	1.653.383.079
Chi phí bảo hiểm	1.032.453.000	938.791.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	202.562.629	578.041.893
	2.538.946.102	3.170.215.972

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.680.624.700	-	5.223.331.158	1.542.706.458	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	1.022.989.209	915.142.136	-	107.847.073
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	920.728	920.728	-	-
	-	3.680.624.700	1.028.909.937	6.144.394.022	1.542.706.458	107.847.073

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2025 là 2.194.500.000 VND. Đây là số tiền đã nhận trước từ khách hàng liên quan đến việc cho thuê nhà xưởng tại Đường số 3, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	873.674.231	815.314.231
- Nhận vốn góp hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	238.565.000.000	256.959.698.000
- Chi phí lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	7.919.068.492	7.919.068.492
- Bảo hiểm xã hội	1.734.000	-
- Bảo hiểm y tế	306.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	136.402	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.372.031.029	1.372.031.029
- Phải trả lãi vay	151.099.472.392	140.196.018.884
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	262.476.348	347.622.838
	400.093.898.894	407.609.753.474
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	9.736.663.885	5.951.791.337
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	226.065.000.000	243.565.000.000
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	-	828.292.313
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	12.500.000.000	13.394.698.000
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyển Lâm	120.041.107.395	114.662.440.972
- Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	1.112.767.126	795.506.851
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	5.758.947.943	3.870.597.259
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Suinco	2.011.649.315	2.011.649.315
- Công ty TNHH Đầu tư Đại La	19.528.370.974	19.528.370.974
- Các đối tượng khác	3.339.392.256	3.001.406.453
	400.093.898.894	407.609.753.474
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	399.000.000	399.000.000
	399.000.000	399.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	9.736.663.885	5.951.791.337
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	226.065.000.000	243.565.000.000
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	-	828.292.313
- Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	12.500.000.000	13.394.698.000
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyển Lâm	120.041.107.395	114.662.440.972
- Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	1.112.767.126	795.506.851
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	5.758.947.943	3.870.597.259
	375.214.486.349	383.068.326.732

(*) Vốn đầu tư nhận từ các tổ chức với tổng giá trị 238.565.000.000 VND để hợp tác đầu tư phát triển các dự án do Công ty và các đơn vị thành viên đang triển khai hoặc thực hiện các giao dịch đầu tư nhằm mục đích sinh lời. Lợi nhuận phân chia từ hợp tác đầu tư sẽ do hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng tùy thuộc vào kết quả hợp tác đầu tư.

15 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	187.982.000.000	187.982.000.000	22.500.000.000	82.482.000.000	128.000.000.000	128.000.000.000
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng ⁽¹⁾	59.500.000.000	59.500.000.000	22.500.000.000	10.000.000.000	72.000.000.000	72.000.000.000
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam ⁽²⁾	56.000.000.000	56.000.000.000	-	-	56.000.000.000	56.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	22.482.000.000	22.482.000.000	-	22.482.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	302.107.333.332	302.107.333.332	7.350.000.000	260.440.666.667	49.016.666.665	49.016.666.665
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	218.774.000.000	218.774.000.000	-	218.774.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽³⁾	83.333.333.332	83.333.333.332	7.350.000.000	41.666.666.667	49.016.666.665	49.016.666.665
	490.089.333.332	490.089.333.332	29.850.000.000	342.922.666.667	177.016.666.665	177.016.666.665
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	218.774.000.000	218.774.000.000	-	218.774.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽³⁾	183.333.333.332	183.333.333.332	47.000.000.000	41.666.666.667	188.666.666.665	188.666.666.665
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia ⁽⁴⁾	84.560.000.000	84.560.000.000	47.000.000.000	1.500.000.000	130.060.000.000	130.060.000.000
	486.667.333.332	486.667.333.332	94.000.000.000	261.940.666.667	318.726.666.665	318.726.666.665
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(302.107.333.332)	(302.107.333.332)	(7.350.000.000)	(260.440.666.667)	(49.016.666.665)	(49.016.666.665)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	184.560.000.000	184.560.000.000			269.710.000.000	269.710.000.000

Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	30/06/2025
VND						
a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:						
(1) Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng						72.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 09/07/2019 và phụ lục hợp đồng số 05/PL-01/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 01/04/2022	5.500.000.000 VND	01 năm và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	Tín chấp	5.500.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2019/SCS-Sam/HĐVV ngày 18/07/2019 và phụ lục số 05/PL-02/2019/SCS-SAM/HĐVV ngày 01/04/2022	3.000.000.000 VND	01 năm và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	Tín chấp	3.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2021/SCS-SAM/HĐVV ngày 26/03/2021 và phụ lục hợp đồng số 01/PL-02/2021/SCS-SAM/HĐVV ngày 01/04/2022	12.000.000.000 VND	03 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	Tín chấp	12.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2022/SCS-SAM/HĐVV ngày 22/06/2022	12.000.000.000 VND	03 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	8%/năm	Tín chấp	12.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2023/SCS-SAM/HĐVV ngày 13/02/2023 và Phụ lục số 01/2023/SCS-SAM/HĐVV ngày 13/02/2023	8.000.000.000 VND	01 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	12%/năm	Tín chấp	8.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 02/2023/SCS-SAM/HĐVV ngày 13/02/2023 và Phụ lục số 01/PL-02/2023/SCS-SAM/HĐVV ngày 13/03/2023	9.000.000.000 VND	01 tháng và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	12%/năm	Tín chấp	9.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2025/SCS-SAM/HĐVV ngày 18/06/2025	22.500.000.000 VND	13 ngày	Bổ sung vốn lưu động	8,0%/năm	Tín chấp	22.500.000.000
(2) Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam						56.000.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 2712/2023/HĐVV/CQN-SAM ngày 27/12/2023 và Phụ lục ngày 27/12/2024	56.000.000.000 VND	Đến ngày 27/12/2025 và tự động gia hạn với thời hạn tương đương	Bổ sung vốn lưu động	6,8%/năm	Tín chấp	56.000.000.000

Công ty Cổ phần SAM Holdings

127 Ung Văn Khiêm, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Hợp đồng	Hạn mức	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức bảo đảm	30/06/2025
						VND
b) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:						
(3) Ngân hàng TMCP Tiên Phong						188.666.666.665
- Hợp đồng cho vay số 14/2022/HDTD/TTKHDNL-MN ngày 12/09/2022	250.000.000.000 VND	36 tháng, đến ngày 29/09/2025	Bổ sung vốn lưu động	10,95%/năm	- Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ với số lượng 30.000.000 cổ phiếu; - Khoản phải thu từ hợp đồng thuê mặt bằng với Công ty Cổ phần DNP Holding và các phụ lục hợp đồng đính kèm.	41.666.666.665
- Hợp đồng cho vay số 20/2024/HDTD/TTDT KHDNL2 ngày 06/09/2024 và các phụ lục kèm theo	150.000.000.000 VND	48 tháng, đến ngày 19/09/2028	Trả nợ khoản vay của Công ty Cổ phần Sam - Tuyền Lâm	8%/năm - 9%/năm	- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 29 đường Ung Văn Khiêm, Phường Thạnh Mỹ Tây, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom; - Khoản phải thu từ Hợp đồng cho thuê mặt bằng nhà xưởng số 35/2022/HDCTNX/SAM-TPVN ngày 25/11/2022.	147.000.000.000
(4) Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia						130.060.000.000
- Hợp đồng cho vay vốn số 01/2024/HDVV/PHG-SAM ngày 18/09/2024	131.560.000.000 VND	36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	Bổ sung vốn lưu động	6,8%/năm	Tín chấp	130.060.000.000
						318.726.666.665
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(49.016.666.665)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						269.710.000.000

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2025		01/01/2025	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty con	72.000.000.000	1.112.767.126	59.500.000.000	795.506.851
- Công ty Cổ phần Sacom Tuyển Lâm	Công ty con	-	120.041.107.395	268.774.000.000	114.662.440.972
- Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Công ty con	56.000.000.000	5.758.947.943	56.000.000.000	3.870.597.259
- Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con	-	-	22.482.000.000	828.292.313
- Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết	130.060.000.000	3.829.244.708	84.560.000.000	44.372.160
		258.060.000.000	130.742.067.172	491.316.000.000	120.201.209.555

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2024	3.799.609.710.000	(76.363.636)	142.970.000	90.998.558.195	3.890.674.874.559
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	56.765.312.155	56.765.312.155
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(332.399.200)	(332.399.200)
Số dư tại ngày 30/06/2024	3.799.609.710.000	(76.363.636)	142.970.000	147.431.471.150	3.947.107.787.514
Số dư tại ngày 01/01/2025	3.799.609.710.000	(76.363.636)	142.970.000	153.367.582.445	3.953.043.898.809
Lãi trong kỳ này	-	-	-	34.498.584.815	34.498.584.815
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(843.403.021)	(843.403.021)
Số dư tại ngày 30/06/2025	3.799.609.710.000	(76.363.636)	142.970.000	187.022.764.239	3.986.699.080.603

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2025, Công ty trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 với giá trị là 843.403.021 VND.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.799.609.710.000	3.799.609.710.000
- Vốn góp cuối kỳ	3.799.609.710.000	3.799.609.710.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	1.372.031.029	1.372.031.029
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	1.372.031.029	1.372.031.029

c) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	379.960.971	379.960.971
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	379.960.971	379.960.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	379.960.971	379.960.971
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

d) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	142.970.000	142.970.000
	142.970.000	142.970.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.827.900.000	5.167.050.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	2.194.500.000

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản để làm văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2025, tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng không được hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	1.077.644.040	1.193.122.512
Trên 1 năm đến 5 năm	1.032.742.205	1.739.970.330

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu cho thuê tài sản	2.533.650.000	2.553.700.001
	2.533.650.000	2.553.700.001
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27)	-	40.000.001

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.172.811.573	3.231.647.016
Lãi từ hoạt động hợp tác đầu tư	16.333.743.122	2.208.716.098
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	28.767.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	41.240.487.500	31.034.875.000
	58.747.042.195	65.242.238.114
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27)	41.240.487.500	34.696.308.359

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.885.322.522	28.780.325.183
Chi phí từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	1.265.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	(9.170.616.330)	(35.246.136.051)
	14.979.706.192	(6.465.810.868)
Trong đó: Chi phí tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27)	15.025.123.892	16.818.983.632

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.361.364	-
Chi phí nhân công	6.086.726.175	5.504.128.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.662.321	216.020.302
Chi phí dự phòng	141.000.000	-
Thuế, phí, và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.222.987.528	4.350.652.582
Chi phí khác bằng tiền	1.133.375.373	766.800.000
	11.802.112.761	10.842.601.030
Trong đó: Chi phí quản lý mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 27)	387.300.711	909.061.321

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	34.498.584.815	63.404.164.366
Các khoản điều chỉnh tăng	5.948.452.742	824.971.691
- Chi phí không hợp lệ	42.744.637	58.171.691
- Thù lao của HĐQT không tham gia điều hành	1.120.111.110	766.800.000
- Chi phí lãi vay không hợp lệ theo Nghị định 132/2020	4.785.596.995	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(41.240.487.500)	(31.034.875.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(41.240.487.500)	(31.034.875.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(793.449.943)	33.194.261.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	6.638.852.211
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.680.624.700	426.560.131
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(5.223.331.158)	(1.969.266.589)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(1.542.706.458)	5.096.145.753

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.361.364	-
Chi phí nhân công	6.086.726.175	5.504.128.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	211.662.321	216.020.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.222.987.528	4.350.652.582
Chi phí khác bằng tiền	1.138.375.373	766.800.000
Chi phí dự phòng	141.000.000	-
	11.802.112.761	10.837.601.030

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Đầu tư dài hạn	-	514.749.850.000	-	514.749.850.000
	-	514.749.850.000	-	514.749.850.000
Tại ngày 01/01/2025				
Đầu tư dài hạn	-	513.766.010.000	-	513.766.010.000
	-	513.766.010.000	-	513.766.010.000

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.946.541.081	-	-	27.946.541.081
Phải thu khác	12.186.447.073	306.677.519	-	12.493.124.592
Các khoản cho vay	18.841.300.000	-	-	18.841.300.000
	58.974.288.154	306.677.519	-	59.280.965.673
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.631.503.613	-	-	42.631.503.613
Phải thu khác	214.473.212.924	286.302.692	-	214.759.515.616
Các khoản cho vay	18.841.300.000	-	-	18.841.300.000
	275.946.016.537	286.302.692	-	276.232.319.229

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Các khoản vay	177.016.666.665	269.710.000.000	-	446.726.666.665
Phải trả người bán, phải trả khác	400.126.182.418	399.000.000	-	400.525.182.418
Chi phí phải trả	97.500.000	-	-	97.500.000
	577.240.349.083	270.109.000.000	-	847.349.349.083
Tại ngày 01/01/2025				
Các khoản vay	490.089.333.332	184.560.000.000	-	674.649.333.332
Phải trả người bán, phải trả khác	407.633.136.618	399.000.000	-	408.032.136.618
Chi phí phải trả	206.944.444	-	-	206.944.444
	897.929.414.394	184.959.000.000	-	1.082.888.414.394

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	116.500.000.000	52.401.130.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	344.422.666.667	116.166.666.667

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	Công ty con
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	Công ty con
Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Capella Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược OPC	Ông Hoàng Lê Sơn là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital	Ông Hoàng Lê Sơn là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Ông Hoàng Lê Sơn là Chủ tịch HĐQT và Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Bất động sản Capella	Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tasco	Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Cát thạch anh Cao cấp Vico	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị
Công ty Cổ phần Infinity	Ông Phương Xuân Thụy là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Ông Phương Xuân Thụy và Ông Trần Việt Anh là Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần SJ Group	Ông Bùi Quang Bách là Chủ tịch HĐQT và Ông Phương Xuân Thụy là Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Shinec	Ông Phạm Hồng Điệp là Phó Chủ tịch HĐQT
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	Ông Trần Việt Anh là Thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán	Các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	40.000.001
Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc tế Mỹ Thủy	-	40.000.001

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, dịch vụ	387.300.711	909.061.321
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	103.112.383	671.647.180
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	-	36.958.698
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	155.076.159	53.166.554
Công ty Cổ phần Dược OPC	10.103.704	-
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	119.008.465	147.288.889
Cổ tức	41.240.487.500	31.034.875.000
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	27.478.000.000	24.980.000.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	13.762.487.500	6.054.875.000
Thoái vốn	-	165.300.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt	-	93.300.000.000
Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao	-	72.000.000.000
Lãi cho vay	-	1.452.717.261
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	-	423.349.316
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	-	645.422.741
Công ty Cổ phần SAM Nông nghiệp Công nghệ cao (Công ty con đến ngày 26/06/2024)	-	383.945.204
Chi phí lãi vay	13.760.123.892	16.818.983.632
Công ty Cổ phần Sacom - Tuyền Lâm	5.378.666.423	12.503.964.451
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	2.286.465.758	2.373.479.456
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	3.784.872.548	-
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Sacom	421.768.479	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	-	42.756.164
Công ty Cổ phần Capella Quảng Nam	1.888.350.684	1.898.783.561
Lãi hợp tác đầu tư	-	2.208.716.098
Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	-	2.208.716.098
Chi phí lãi Hợp tác đầu tư	1.265.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	1.265.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	9.840.302.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	9.840.302.000	-
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	9.840.302.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	9.840.302.000	-
Nhận góp vốn hợp tác đầu tư	12.500.000.000	76.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	12.500.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	-	75.000.000.000

Giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	30.894.698.000	59.868.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Nam Tây Nguyên	17.500.000.000	58.035.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sacom	13.394.698.000	1.833.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	2.402.870.736	1.566.872.310
Ông Trần Việt Anh Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/11/2024) Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/11/2024)	408.888.888	902.072.310
Ông Lê Nguyễn Minh Quang Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	80.000.000	-
Ông Phương Xuân Thụy Thành viên HĐQT (Giữ chức danh Phó Chủ tịch đến ngày 22/04/2025)	205.200.000	232.800.000
Ông Hoàng Lê Sơn Thành viên HĐQT/ Chủ tịch UBKT (Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ngày 12/11/2024)	240.000.000	240.000.000
Ông Bùi Quang Bách Thành viên HĐQT/ Thành viên UBKT	138.000.000	132.000.000
Ông Phạm Hồng Diệp Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	40.000.000	60.000.000
Ông Trần Quang Khang Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/11/2024) Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/09/2024)	1.290.781.848	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Người lập

Nguyễn Thị Tâm

Kế toán trưởng

Võ Nữ Từ Anh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Quang Khang